TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Kiều Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hoàng Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số: 38/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Huy T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: xóm x, xã D.L, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Chị Phan Thị Xuân T sinh năm 1986

Nơi cư trú: xóm x, xã D.L, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Huy T trình bày: Anh và chị Phan Thị Xuân T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/01/2012 tại UBND xã D.L, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Việc anh kết hôn với chị T là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại D.L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau bình thường nhưng đến năm 2016 thì anh T bắt đầu đi làm xa, con thì gửi về cho ông bà nội nuôi, chị T ở một mình ở Vũng Tàu, suốt ngày ăn chơi, không chịu làm ăn, mặc dù anh Thắng đã khuyên can và chỉ bảo vợ nhưng vợ không nghe, vẫn chứng nào tật đó. Đến năm 2018 anh T đưa vợ con về nhà ông bà nội để mục đích cho vợ xa lánh môi trường sống đó. Nhưng đầu năm 2019 chị T bỏ đi miền nam không cho biết địa chỉ, anh T chỉ biết là chị T đang làm việc ở Vũng Tàu. Sau đó do có sự khuyên can của mẹ chị T nên chị T cũng có quay về được một thời gian đến tháng 8/2020

thì chị T cũng bỏ đi mà không nói tiếng nào với anh T. Nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn, dù anh T có cố gắng cũng không thể níu kéo chị T để tiếp tục chung sống được nữa. Nên anh yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Xuân T.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Huy T1, sinh ngày 18/06/2012. Cháu T1 bị khuyết tật nặng –TE, được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND, ngày 27/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đang ở cùng với anh T. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Yêu cầu chị Thanh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/11/2020 bị đơn chị Phan Thị Xuân T trình bày:

Chị T hiện có đăng ký hộ khẩu như anh T đã cung cấp cho Tòa án (xóm 8, xã D.L, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An). Nhưng do chị T đã đi làm ăn xa và có địa chỉ tạm trú tại số 219, đường D8, khu phố 1, phường P, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; chị Thanh cũng đã nhận được tất cả các thông báo của Tòa án về việc ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

- Về tình cảm: Chị thống nhất với anh T về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn. Việc chị kết hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình thường, hòa thuận. Đến ngày 18/4/2015 thì giữa chị và anh Thắng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên đã không ít lần xảy ra những cuộc tranh cãi. Chị T Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nữa, cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị và anh T có 01 con chung tên là Phan Huy T1, sinh ngày 18/06/2012 hiện nay đang ở với anh T. Do chị T đi làm ăn xa (tỉnh Bình Dương) không có điều kiện chăm sóc con nên chị T đồng ý giao con cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chị T sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Phan Thị Xuân T.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Toà án áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình. Về tình cảm: giải quyết cho anh Phan Huy T được ly hôn với chị Phan Thị Xuân T; về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Phan Huy T1 sinh ngày 18/06/2012 cho anh Phan Huy T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Anh T, chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phan Thị Xuân T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Xuân T.

[2]. Về nội dung

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phan Huy T và chị Phan Thị Xuân T là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 30/01/2012). Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống xa nhau nên không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau. Vì thế vợ chồng hay cãi vã, dẫn đến xúc phạm nhau. Từ năm 2019 đến nay, anh T và chị T chính thức sống ly thân, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết, anh T và chị T đều không có nguyện vọng đoàn tụ với nhau, điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa hai vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho anh Phan Huy T được ly hôn chị Phan Thị Xuân T.

[2.2]. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Anh Phan Huy T và chị Phan Thị Xuân T có 01 con chung tên Phan Huy T, sinh ngày 18/6/2012, hiện nay đang sống cùng anh T. Quá trình giải quyết cả hai vợ chồng đều thống nhất giao con chung cho anh Phan Huy T trực tiếp nuôi dưỡng. Bởi vậy nghĩ nên áp dụng điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho anh Phan Huy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Phan Thị Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2021.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Huy T và bị đơn chị Phan Thị Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 điều 35; điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Xử cho anh Phan Huy T được ly hôn chị Phan Thị Xuân T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2012, ngày 30/01/2012 của UBND xã D.L giữa anh Phan Huy T và chị Phan Thị Xuân T không còn giá trị pháp lý)

[2]. Về con chung: Giao con chung Phan Huy T, sinh ngày 18/06/2012 cho anh Phan Huy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phan Thị Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bắt đầu từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị T có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Nếu cha, mẹ không trực tiếp nuôi con (chị T) lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con (anh T) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phan Huy T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, án phí của anh T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004328 ngày 20/10/2020.

Chị Phan Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Quyền kháng cáo: Anh Phan Huy T có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Phan Thị Xuân T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ an;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THA dân sự Diễn Châu;
- UBND xã D.L;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đoàn Thị Kiều Hương